

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ - ST

Ngày 08 tháng 4 năm 2024

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,
ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Tâm**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Xuân Lâm và Bà Hà Thị Hòa**

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2023/TLST- HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST- HNGĐ ngày 22/03/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị Đ, sinh năm: 1995

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã BM, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ nơi hiện nay: Xóm MB, xã KL, huyện KB, tỉnh Hòa Bình (*có mặt*);

2. Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn P, xã BM, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa (*vắng mặt*);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn T chung sống với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 26/7/2014 vợ chồng đến Ủy ban nhân dân xã BM, huyện TX để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2014 vợ chồng có thống nhất với nhau anh Vi Văn T đi làm ăn xa, chị Đ ở nhà chăm lo cho gia đình. Thời gian đầu vợ chồng còn thường xuyên gọi điện hỏi thăm và gửi tiền về nuôi con, dần dần cuộc sống của chị ở nhà

càng thiếu thốn, khó khăn, khi anh T gọi điện về vợ chồng cãi vả nhau trên điện thoại. Từ đó anh T cũng không gọi điện về hỏi thăm vợ con, bản thân chị Đ đã chịu đựng, bỏ qua để lo cho gia đình nhưng anh T vẫn bỏ đi làm ăn không có trách nhiệm với vợ con. Chị Đ đã nhiều lần tìm cách liên lạc với anh T, khuyên anh về nhà vợ chồng làm ăn nuôi con nhưng anh T vẫn không về. Chị Đ đã xin phép mẹ chồng đem con về ở với bố mẹ đẻ từ khoảng đầu năm 2015 đến nay. Và cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị Đ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung cháu Vi Thị Thúy H, sinh ngày 05/02/2013. Vợ chồng ly hôn chị Đ được nuôi cháu H và không yêu cầu anh Vi Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Chị Lương Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương để giao giấy triệu tập, niêm yết các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các loại văn bản tố tụng khác cho anh Vi Văn T đến Tòa án để làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Tại các Biên bản xác minh ngày 23/11/2023 thể hiện: Anh Vi Văn T đang có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã BM, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa, anh Vi Văn T chưa chuyển đi đâu, hiện nay vẫn trong hộ hộ khẩu của gia đình, anh T có số định danh cá nhân là 038094039710, hiện nay anh T đi làm ăn không có mặt tại địa phương. Bà Hà Thị M mẹ đẻ anh Vi Văn T cho biết, cháu Đ và cháu T chung sống với nhau từ năm 2012, sau khi kết hôn vợ chồng cháu sống cùng bà, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi cọ nhau, gia đình cũng có khuyên giải cho hai cháu nhưng vẫn không có kết quả, sau đó cháu T đi làm ăn xa, bà cũng không biết cụ thể hiện nay cháu làm ở đâu. Còn cháu Đ đi về nhà mẹ đẻ để ở, cháu T vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà, có lần về thăm bà, bà M thông báo cho con trai bà Vi Văn T biết việc cháu Đ làm đơn xin ly hôn cháu T. Nay cháu Đ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà M đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà đã nhận thủ tục Tòa án giao và cam kết thông báo cho cháu T biết về việc cháu Đ làm thủ tục ly hôn. Chính quyền địa phương cũng xác nhận, chị Đ và anh T cưới nhau năm 2012 và có một người con, vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng có cãi cọ nhau, nhưng cũng không báo cáo chính quyền địa phương, chính quyền địa phương cũng không được tham gia hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án anh T không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Đ nên thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo cổ tình lẫn tránh vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về trình tự thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Đ được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung cháu Vi Thị Thúy H. Theo bản ý kiến của cháu H nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cháu H cho chị Đ trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Đ là lao động tự do hàng tháng thu nhập từ 4.000.000đồng đến 6.000.000đồng, nên chị Đ không yêu cầu anh Vi Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Chị Lương Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa chị Lương Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, vắng mặt anh Vi Văn T Tòa án đã tổng đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật, tại trụ sở UBND xã BM, huyện TX, nơi cư trú của anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lương Thị Đ có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện TX yêu cầu ly hôn với anh Vi Văn T, anh T vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn T, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị Đ và anh T đã đi làm ăn, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành xác minh trực tiếp với chính quyền địa phương về hộ khẩu của anh

T và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T trong quá trình chung sống. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị Đ và anh T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Đ.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 (một) con chung cháu Vi Thị Thúy H, sinh ngày 05/02/2013. Căn cứ vào giấy khai sinh của con; xác nhận thông tin về cư trú đủ cơ sở xác định Vi Thị Thúy H là con chung của chị Đ và anh T.

Xét nguyện vọng xin nuôi cháu H của chị Đ, cũng như nguyện vọng của cháu H xin được ở với mẹ để mẹ chăm sóc. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi các cháu sinh ra đến nay, cháu H luôn ở với mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo ổn định về mặt tâm lý, học tập của trẻ, hoàn cảnh sống để tạo điều kiện phát triển tốt về thể chất, tinh thần của cháu. Căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GD, giao cháu Vi Thị Thúy H cho chị Lương Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại chị Đ có việc làm, thu nhập ổn định hàng tháng từ 4.000.000đồng đến 6.000.000 đồng, chị Đ có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản; công nợ*: Chị Lương Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Vi Văn T, Tòa án đã giao, tổng đạt niêm yết các loại giấy tờ tố tụng theo quy định. Anh T thường xuyên liên lạc về với gia đình, gia đình anh T đã thông báo cho anh biết về việc chị Đ xin ly hôn anh, nhưng anh T vẫn cố tình trốn tránh không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, anh T đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Như vậy, anh T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, anh không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để giải quyết vắng mặt anh Vi Văn T là phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Chị Lương Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 3; Điều 5; Điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Đ

Về hôn nhân: Chị Lương Thị Đ được ly hôn anh Vi Văn T

Về con chung: Giao cháu Vi Thị Thúy H, sinh ngày 05/02/2013 cho chị Lương Thị Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Vi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản; công nợ: Chị Lương Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai số: 0002421 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chị Đ đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Chị Lương Thị Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/4/2024). Anh Vi Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADSH.Thường Xuân;
- Đường sự;
- UBND xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân;
- Lưu HSVA.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Tâm

